

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/8/2020

V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Định

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lò Thị Dĩnh.

2. Ông Phạm Quang Đôn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Ngày 18/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên xét xử công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hôn nhân gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xã Cẩm T, huyện Cẩm Th, tỉnh Thanh Hóa;

2. Bị đơn: Anh Trần Quang B, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố XY, phường Tân Th1, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quang B kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2019 tại UBND xã Noong H1, huyện Điện B1, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn, do bản thân chị không có việc làm, kinh tế khó khăn nên cuộc sống chung giữa chị và anh B không được ổn định như mong muốn. Thời gian vợ chồng chị chung sống với nhau chỉ được khoảng 03 đến 04 tháng, sau đó vợ chồng thường xuyên lục đục, to tiếng xúc phạm lẫn nhau, chị đã nhiều lần phải bỏ nhà đi cho không khí gia đình bớt phần căng thẳng. Chị cho rằng, mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng chị là anh B có thái độ coi thường chị do chị đã có con riêng và không có việc làm, thu nhập về kinh tế nên thường xuyên tìm lý do to tiếng, xúc phạm chị, gây ra cho chị tâm lý

nặng nề, căng thẳng trong đời sống chung; tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng và kéo dài. Chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Xét thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Quang B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh B chưa có con chung, không có tài sản chung và cũng không có khoản nợ chung nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm:

- Bản tự khai ngày 03/7/2020;
- Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 21/01/2019;
- Giấy chứng minh nhân dân số 172503158;
- Sổ hộ khẩu số 570689515;
- Đơn đề nghị đề ngày 15/01/2020;
- Căn cước công dân số 038180011540;
- Đơn đề nghị đề ngày 30/7/2020.

Bị đơn anh Trần Quang B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến; không có ý kiến phản tố.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; ngoài những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quang B, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình trong đó anh B có địa chỉ tại số nhà A, tổ dân phố XY, phường Tân Th1, thành phố Điện Biên P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến tại phiên tòa, anh B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh B theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Trần Quang B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Vũ Thị H xác định, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng xúc phạm lẫn nhau do bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm đến cuộc sống chung của chị và con riêng chị cũng như tạo điều kiện để chị có công việc, có thu nhập cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc với nhau từ năm 2019 cho đến nay nên chị có yêu cầu ly hôn với anh Trần Quang B.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống. Chị H và anh B không còn sống chung từ năm 2019 cho tới nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trần Quang B nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi yêu cầu ly hôn của chị H nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh B là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị H đối với anh Trần Quang B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chưa có con chung nên không đề cập giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14, anh Trần Quang B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H; chị H được ly hôn với anh Trần Quang B.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét giải quyết.
3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/2010/08206 ngày 15/01/2020, chị H đã nộp đủ tiền án phí; anh Trần Quang B không phải chịu án phí.
5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thành phố Điện Biên P;
- Chi cục THADS thành phố Điện Biên P;
- UBND xã Noong H1, huyện Điện B1;
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đ**